

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH PHỤ
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 64/2018/HNGĐ-ST

Ngày 28/11/2018

*“V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con
chung giữa chị M và anh D”*

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH PHỤ, TỈNH THÁI BÌNH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Duyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Huệ

2. Ông Trần Quang Dương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Đăng Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Huệ -Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 9 năm 2018 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 11 năm 2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 27/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Đặng Thị M sinh năm 1990

ĐKKHKT: Thôn ĐĐ, xã AV, huyện Q, tỉnh Thái Bình

Nơi ở: Thôn N, xã Gi, huyện X, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh Trương Công D sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn ĐĐ, xã AV, huyện Q, tỉnh Thái Bình.

(Tại phiên tòa có chị M, vắng mặt anh D)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/9/2018 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Đặng Thị M trình bày: Chị và anh Trương Công D tự do, tự nguyện tìm hiểu

dẫn đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND xã AV, huyện Q, tỉnh Thái Bình vào ngày 24/4/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc hòa thuận đến tháng 7/2018 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, luôn bất đồng quan điểm sống, cùng thời gian đó chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó tới nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị và anh D không còn, chị xin ly hôn anh D.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Trương Quốc Khánh sinh ngày 02/9/2015 hiện đang ở với anh D, ly hôn chị để anh D trực tiếp nuôi dưỡng con chung, việc cấp dưỡng cho con giải quyết theo quy định của pháp luật. Hiện tại chị không có thai nghén gì.

Về tài sản chung: Vợ chồng không có tài sản chung không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 26/9/2018 bị đơn anh Trương Công D trình bày: Anh xác nhận lời khai của chị M về thời gian điều kiện và hoàn cảnh kết hôn, nguyên nhân mâu thuẫn và thời gian vợ chồng ly thân như chị M trình bày là đúng. Anh D còn bổ sung thêm: cuộc sống vợ chồng hạnh phúc, hòa thuận đến tháng 7/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, có lần vợ chồng xô xát anh đã đánh chị, đến cuối tháng 7/2018 chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng ly thân từ đó tới nay. Nay chị M có đơn xin ly hôn, anh muốn vợ chồng đoàn tụ cùng nhau nuôi dạy con chung, nhưng nếu chị M cố tình xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Anh xác nhận vợ chồng có 01 con chung như chị M đã trình là đúng, ly hôn anh xin được nuôi con chung, anh không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: anh xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Qua xác minh với cơ sở thôn ĐĐ, xã AV thấy: Cơ sở thôn xác nhận về thời gian điều kiện hoàn cảnh kết hôn như chị M và anh D đã trình bày, còn về nguyên nhân và thời gian mâu thuẫn cơ sở thôn không rõ, nay chị M có đơn xin ly hôn, cơ sở thôn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Chị M anh D có 01 con chung là Trương Quốc Khánh sinh ngày 02/9/2015 hiện đang ở với anh D, nếu Tòa án giải quyết cho chị M anh D ly hôn việc giao con và cấp dưỡng cho con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật. Về tài sản chung của anh chị cơ sở thôn không nắm rõ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Q, tỉnh Thái Bình về giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các nguyên đơn tuân thủ đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn vắng mặt nên Viện kiểm sát không đưa ra ý kiến, quan điểm.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Đặng Thị M được ly hôn anh Trương Công D; giao

con chung Trương Quốc Khánh sinh ngày 02/9/2015 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con; vợ chồng không có tài sản chung không đặt ra giải quyết; chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, kiểm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: chị Đặng Thị M khởi kiện ly hôn, nuôi con chung với anh Trương Công D, do anh D là bị đơn cư trú tại thôn ĐĐ, xã AV, huyện Q, tỉnh Thái Bình nên TAND huyện Q, thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 và Khoản 1 Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự. Anh D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do vì vậy Tòa án tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Quan hệ hôn nhân giữa chị Đặng Thị M và anh Trương Công D xây dựng trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã AV, huyện Q, tỉnh Thái Bình cấp đăng ký kết hôn số 24 ngày 24/4/2014 là hôn nhân hợp pháp. Cuộc sống vợ chồng hạnh phúc hòa thuận đến tháng 7/2017 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình vợ chồng không hợp nhau, không thông cảm cho nhau, có lần mâu thuẫn, xô xát anh D có đánh chị M, từ tháng 7/2018 chị M đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ sinh sống, vợ chồng ly thân từ đó cho tới nay. Nay chị M có đơn xin ly hôn anh D muốn vợ chồng đoàn tụ nhưng nếu chị M cố tình xin ly hôn thì anh cũng nhất trí. Tòa án đã tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ nhưng không thành, chị M và anh D thống nhất ly hôn, nhưng anh D không ký tên vào biên bản kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ, anh D đã tự ý bỏ về và không ký tên vào biên bản hòa giải, anh D không có thiện chí trong việc giải quyết vụ án. Điều đó chứng tỏ mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, anh chị không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân của anh chị không đạt được, hôn nhân của anh chị thực tế chỉ tồn tại về hình thức, vì vậy cần xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị M, xử cho chị M được ly hôn anh D là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: chị M và anh D có 01 con chung là Trương Quốc Khánh sinh ngày 02/9/2015 hiện đang ở với anh D, anh chị đều thống nhất để anh D trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Về việc cấp dưỡng cho con: Tại bản tự khai chị M đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, còn anh D không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con, sau khi Tòa án lập biên bản về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải thì chị M và anh D thống nhất anh D không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con. Như vậy, cần giao con cho anh D

trực tiếp nuôi dưỡng, anh D không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con là phù hợp với điều 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung: chị M và anh D đều khai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.4] Về án phí: chị M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[2.5] Về quyền kháng cáo: chị M và anh D có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82 và 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Khoản 3 Điều 228, Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

1. Về quan hệ hôn nhân: xử cho chị Đặng Thị M được ly hôn anh Trương Công D.

2. Về con chung: giao con chung Trương Quốc Khánh sinh ngày 02/9/2015 cho anh D trực tiếp nuôi dưỡng anh D không yêu cầu chị M cấp dưỡng cho con. Chị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: chị Đặng Thị M phải chịu 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm. Số tiền 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) chị M đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0003756 ngày 14 tháng 9 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Thái Bình được chuyển thành tiền án phí.

4. Về quyền kháng cáo: chị M có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Q;
- Chi cục thi hành án dân sự h.Q;
- UBND xã AV, h.Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Duyên
(*đã ký*)